

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17/9/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Dũng;

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1997; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1990; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 22/5/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, anh chị đã ly thân từ một năm nay. Nay

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày: Anh và chị N chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì ly thân. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/7/2015. Anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N và anh Nguyễn Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh T có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Yến N và anh Nguyễn Tấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 22/5/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. chị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị N xác định

mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại bản tự khai anh T trình bày anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T về việc giao một con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/7/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Yên N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị N có ý kiến trình bày chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy “cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con” nên việc chị N cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị N và nhu cầu thiết yếu của con chung là cháu Đ theo quy định tại Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị N và anh T không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yên N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Yến N với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T về việc giao con chung Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/7/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Yến N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Tấn Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005609 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị N phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Yến N, anh Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh